

Số: /BC7N-TTBVT

Đắk Lắk, ngày tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật hại cây trồng tuần 24
(Từ ngày 09 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)

Kính gửi :

- Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Trung bình: 24-26⁰C; Thấp nhất: 20 - 23⁰C; Cao nhất: 29-32⁰C. có nơi trên 32⁰C.

- Nhận xét khác: Có mây, ngày nắng, chiều tối và tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió tây nam cấp 2-3. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ gieo trồng vụ Hè Thu 2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích thực hiện (ha)
Lúa nước	Làm đất- sạ- mạ	39.307/60.000
Ngô	Cây con	37.244 /52.370
Khoai lang	Làm đất- cây con	1.207/2.310
Đậu các loại	Cây con	5.477/11.000
Đậu xanh	Cây con	3.774/5.900
Đậu nành	Cây con	658/1.500
Đậu lạc	Cây con	1.912/2.500
Rau các loại	Các giai đoạn	3.564/4.820
Sắn	Giâm hom	31.225/40.500
Mía		4.540/14.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	4.730/9.000
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả non	213.336
Cây tiêu	Phân hoá mầm hoa	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Quả non, quả xanh	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.006

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Hè thu năm 2022 gieo trồng với tổng diện tích 133.638 ha/203.900 ha, đạt 65,54% kế hoạch. Trong đó, lúa 39.307 ha/60.000 ha, đạt 65,51% kế hoạch (lúa nước 39.057 ha, lúa cạn 250 ha); ngô 37.244 ha/52.370 ha, đạt 71,12% kế hoạch; khoai lang 1.207 ha/2.310 ha, đạt 52,25 % kế hoạch; sắn 31.225 ha/40.500 ha, đạt 77,10% kế hoạch; đậu xanh 3.774 ha/5.900 ha, đạt 63,97% kế hoạch; đậu nành 658 ha/1.500 ha, đạt 43,87% kế hoạch; đậu lạc 1.912 ha/2.500 ha, đạt 76,48 % kế hoạch; đậu các loại 5.477 ha/ 11.000 ha, đạt 49,79 % kế hoạch; rau xanh 3.564 ha/ 4.820 ha, đạt 73,94 % kế hoạch; mía 4.540 ha/ 14.000 ha, đạt 32,43 % kế hoạch; cây hàng năm khác 4.730 ha/9.000 ha, đạt 52,56% kế hoạch (mè 205 ha, cỏ 2.028 ha, gừng, nghệ 1.615 ha, cây khác 882 ha).

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 07 NGÀY QUA

*** Nhóm cây công nghiệp lâu năm**

1. Cây cà phê:

Rệp sáp TLH 4-20%, DTN 35ha (Krông Búk, EaKar, Krông Năng, TX Buôn hồ) giảm 06ha so với kỳ trước; Rệp vảy nâu, xanh TLH 4-20% DTN 19ha (TX Buôn Hồ, Krông Năng, Krông Pắc) giảm 02ha so với kỳ trước. Bộ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 5-16% DTN 07ha (Krông Năng). Một đục cành TLH 3-5% DTN 06 ha (Tx. Buôn Hồ). Bệnh gỉ sắt TLH 3-20%, DTN 28 ha (Krông Búk, EaKar, Krông Pắc, Tx. Buôn Hồ) tăng 01 ha so với kỳ trước; Bệnh khô cành TLH 1-25%, DTN 25 ha (Krông Búk, Tx. Buôn Hồ, EaKar, Krông Pắc, CưKuin) tăng 06ha so với kỳ trước. Bệnh nấm hồng TLH 4-6% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ). Bệnh đốm mắt cua TLH 14-24% DTN 06ha (Krông Pắc), Rụng quả cà phê TLH 7-10% DTN 02ha (CưKuin). Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

2. Cây hồ tiêu:

Bệnh chết chậm TLH 2-25%, DTN 117,3 ha (Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, CưKuin, Krông Búk, Krông Năng) tăng 3ha so với kỳ trước; Bệnh chết nhanh TLH 1-12% DTN 53,5ha (Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar) tăng 0.1 ha so với kỳ trước; Bệnh đốm táo TLH 5-10%, DTN 12 ha (Krông Búk, TX Buôn Hồ) tăng 07ha so với kỳ trước; Tuyến trùng TLH 6-15% DTN 11ha (TX Buôn Hồ, CưKuin). Nấm hồng TLH 10-25% DTN 13ha (EaKar); Bệnh thán thư TLH: 4-8% DTN 07ha (Krông Pắc, CưKuin). Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

3. Cây Điều: Bọ xít muỗi TLH 4-25%, DTN 25ha (Kr.Buk, EaKar, Krông Pắc) giảm 03ha so với kỳ trước; Sâu đục thân TLH 3-7% DTN 02ha (Krông Pắc); Bệnh thán thư TLH 5-35%, DTN 24ha (Kr.Buk, Ea Kar) giảm 07ha so với kỳ trước. Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

4. Cây ca cao: Bọ xít muỗi TLH 8-25% DTN 9ha (EaKar) tăng 01 ha so với kỳ trước; Bệnh muội đen TLH 8-20% DTN 07ha (EaKar) giảm 01 ha so với kỳ trước và các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây ăn quả**

5. Cây có múi (cam, quýt): Sâu vẽ bùa TLH 5-25% DTN 10ha (EaKar); Sâu cuốn lá TLH 8-25% DTN 04ha (EaKar). Bệnh Greening TLH 10-35% DTN 3,5ha (EaKar) và các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

6. Chanh dây: Bệnh đốm nâu TLH 10-22% DTN 3.2ha (EaKar). Ruồi đục quả TLH 8-15% DTN 04ha (EaKar).

7. Cây sầu riềng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 3-20% DTN 34 ha (Krông Búk, EaKar, Krông Năng) tăng 09ha so với kỳ trước. Rầy nhậy TLH 5-17% DTN 05ha (Krông Năng); Sâu đục quả TLH 7-20% DTN 05ha (EaKar); Bệnh đốm rong TLH 3-24% DTN 10ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc). Bệnh thán thư TLH 5-9% DTN 09ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc). Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

*** Nhóm cây lương thực**

8. Cây lúa: Ốc bươu vàng TLH 1-12% DTN 16ha (Krông Pắc, EaKar) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

9. Cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 2-25% DTN 09ha (EaKar, Krông Búk); Sâu cắn lá TLH 2-3% DTN 5 ha (Tx. Buôn Hồ) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

*** Cây công nghiệp ngắn ngày**

10. Cây sắn: Khảm lá virus TLH 1-2% DTN 53 ha (Ea Súp) tương đương so với kỳ trước và Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây rau màu:**

11. Cây rau cải ăn lá: Sâu xanh bướm trắng TLH 1-3%, DTN 1,3ha (TX Buôn Hồ). Sâu nhậy TLH 2-6% DTN 0.5ha (Tx. Buôn Hồ). Sâu tơ TLH 12-25% DTN 05ha (EaKar). Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

12. Cây ớt: Ruồi đục trái TLH 8-20% DTN 2,4 ha (EaKar). Bệnh thán thư TLH 10-25% DTN 1,8ha (EaKar).

13. Bầu bí: Bọ trĩ TLH 12-22% DTN 3 ha (Krông Pắc; Bệnh giả sương mai TLH 5-14% DTN 05ha (Krông Pắc)

14. Hành tỏi: Dòi đục lá TLH 8-25% DTN 01 ha (Ea Kar). Bệnh thối nhũn TLH 8-18% DTN 1,5ha (EaKar).

15. Rau thập tự: Sâu tơ TLH 7-15% DTN 01 ha (Krông Pắc); Rệp muội TLH 10-19% DTN 03ha (Krông Pắc).

III. DỰ KIẾN SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Trên cây lúa:

* **Vụ Hè Thu 2022:** Cần chú ý, cảnh báo: Rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá... tiếp tục gây hại lúa sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. Chuột tiếp tục gây hại rải rác lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh.; Ốc bươu vàng lây lan theo nguồn nước và gây hại lúa sớm giai đoạn xuống mạ, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

2. Trên rau các loại: Bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội...gây hại chủ yếu trên các loại rau ăn lá ở nhiều giai đoạn.

3. Trên ngô, đậu: Sâu keo mùa thu... tiếp tục phát sinh, phát triển và gây hại trên ngô, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình.

4. Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp vảy nâu, rệp vảy xanh, mọt đục cành, bệnh rỉ sắt gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả non.

5. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng hại rễ... có khả năng phát sinh và gây hại tăng, chủ yếu trên các vườn tiêu giai đoạn chắc quả, chín, hại nặng cục bộ trên những vườn cây lâu năm chăm sóc kém.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá,...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành... tiếp tục phát sinh gây hại. Thời gian tới cần đặc biệt chú ý và quản lý tốt bệnh thán thư trên những diện tích Điều giai đoạn quả non.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, rệp bông xơ trắng, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh gây hại rải rác.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây rừng trồng: Bệnh chết héo, sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

12. Cây sầu riêng, cam quýt, bơ, vải: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng có khả năng tiếp tục gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt, bệnh đốm nâu thanh long, sâu tiện vỏ, nhện đỏ, bệnh sẹo, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật căn cứ Văn bản số 1217/SNN-BVTVTTBVTV, ngày 29/4/2022 về việc triển khai kế hoạch sản xuất và hướng dẫn khung lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng vụ Hè thu năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Chú ý các điều tra, báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa: Vụ Hè thu 2022:**

- Hướng dẫn nông dân tập trung cày ải, làm đất sớm, nạo vét kênh mương. Tổ chức các đợt ra quân đồng loạt diệt chuột, ốc bươu vàng và phổ biến các biện pháp diệt cỏ và vệ sinh đồng ruộng trước khi gieo sạ.

- Cán bộ kỹ thuật tăng cường kiểm tra, giám sát chỉ đạo thực hiện công tác phòng trừ dịch hại. Đẩy mạnh áp dụng chương trình tổng hợp IPM, 3 tăng 3 giảm, công nghệ sinh thái... ngay từ đầu vụ.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:**

- Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ

thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020 và công văn số 3749/BVTV-QLT ngày 27/12/2019 của Cục BVTV Về việc sử dụng tạm thời thuốc phòng trừ sâu keo mùa thu hại ngô..

* **Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác như gỉ sắt, tuyến trùng, mọt đục cành...

* **Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến và hướng dẫn người dân phòng chống bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ... Hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc hồ tiêu.

* **Trên cây sắn:** Hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử dụng cây bị bệnh làm giống. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn; chủ động hướng dẫn phòng trừ rệp sáp bột hồng hại sắn.

* **Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

* **Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cạo trên cây cao su, bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

* **Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

* **Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

* **Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm; Bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc BVTV ít độc hại trên cây trồng đảm bảo thời gian cách ly và tuân thủ nguyên tắc “4

đúng” đúng thuốc, đúng nồng độ và liều lượng, đúng lúc, đúng cách trong sử dụng thuốc BVTV.

- củng cố hệ thống bẫy đèn, mạng thông tin nhằm phục vụ cho công tác Dự tính dự báo và chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Hè thu 2022 và kế hoạch tập huấn năm 2022 nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lãnh đạo CC;
- CC.TTBVTV Gia Lai;
- Các trạm TT&BVTV huyện, Tx, Tp (t/h);
- Trang Web (CC.TT&BVTV);
- Lưu VT- P.BVTV(G.25)

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 09 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai doan		25	8	2	0	10	0	1.0		2	Ea Kar
	Sâu cuốn lá	la non	8	25	2	2	0	4	0	-1.0		2	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh	10	35	2.5	1	0	3.5	0	-0.5		2	Ea Kar
Chanh leo	Ruồi đục quả	quq non	8	15	2	2	0	4	0	4.0		2	Ea Kar
	Bệnh đốm nâu	PTTL	10	22	2	1.2	0	3.2	0	0.0		2	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	la non-chăm sóc, ra hoa,	3 - 8	10 - 20	30	4	0	34	0	9.0		24	Krông Búk, Ea Kar, Krông Năng
	Bệnh đốm rong (Tảo)	các giai đoạn-quả non	3 - 13	6 - 24	9	1	0	10	0	-2.0		4	Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	các giai đoạn-quả non	5	8 - 9	8	1	0	9	0	-2.0		2	TX Buôn Hồ, Krông Pắc
	Rầy nhày	Quả non; KTCB	5 - 9	17	5	0	0	5	0	0.0		0	Krông Năng
	Sâu đục quả	qua xanh	7	20	3	2	0	5	0	5.0		2	Ea Kar
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Ca cao	Bệnh muội đen	cac giai doan	8	25	7	2	0	9	0	1.0		5	Ea Kar
	Bọ xít muỗi	Cac giai doan	8	20	5	2	0	7	0	-1.0		5	Ea Kar
Cà phê	Rệp sáp	qua non-chăm sóc	3 - 10	5 - 20	30	5	0	35	0	-6.0		16	Krông Búk, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Năng
	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn-chăm sóc	3 - 10	8 - 20	22	6	0	28	0	1.0		9	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Búk, Krông Pắc
	Bệnh khô cành	Quả non-KTCB,	1 - 10	3 - 25	21	4	0	25	0	6.0		10	Ea Kar, Krông Búk, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Cư Kuin

	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non	4 - 10	10 - 20	16	3	0	19	0	-2.0	4	TX Buôn Hồ, Krông Păk, Krông Năng
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	quả non; KTCB	5 - 10	16	7	0	0	7	0	0.0	0	Krông Năng
	Bệnh đốm mắt cua	quả non	14	24	6	0	0	6	0	-1.0	1	Krông Păk
	Mọt đục cành	quả non	3	5	4	2	0	6	0	0.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh nấm hồng	quả non	4	6	3	2	0	5	0	-2.0	0	TX Buôn Hồ
	Rụng quả cà phê	Quả non	7 - 10		2	0	0	2	0	0.0	2	Cư Kuin
Điều	Bọ xít muỗi	Lá, chồi non, KTCB-thu hoạch,	4 - 8	10 - 25	19	6	0	25	0	-3.0	12	Ea Kar, Krông Búk, Krông Păk
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-thu hoạch, chăm sóc	5 - 15	10 - 35	17	5	2	24	0	-7.0	11	Ea Kar, Krông Búk
	Sâu đục thân, cành	phát triển thân lá	3	7	2	0	0	2	0	-1.0	1	Krông Păk
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	phan hoa man hoa	1 - 12	6 - 25	82.4	24	10.9	117.3	0	3.0	10	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Cư M'gar, Ea Kar, Krông Păk, Cư Kuin, Krông Búk, Krông Năng
	Bệnh chết nhanh	phan hoa mam hoa	1 - 6	2 - 12	35	10.6	8	53.6	0	0.1	1	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh	10	25	8	5	0	13	0	0.0	5	Ea Kar
	Bệnh đốm tảo	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	4 - 5	6 - 10	10	2	0	12	0	7.0	5	TX Buôn Hồ, Krông Búk
	Bọ xít lười	phan hóa mầm hoa	5	9 - 10	12	0	0	12	0	2.0	10	Krông Búk, Krông Păk
	Tuyến trùng		6 - 10	15	7	4	0	11	0	0.0	1	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bệnh thán thư		4 - 7	8	7	0	0	7	0	1.0	5	Krông Păk, Cư Kuin
Nhóm cây: Cây lương thực khác												
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	PTTL-cây con	2 - 7	4 - 25	9	0	0	9	0	-1.0	8	Ea Kar, Krông Búk
	Sâu cắn lá	PTTL	2	3	3	2	0	5	0	0.0	0	TX Buôn Hồ

	Nhóm cây: Lúa											
Lúa	Ốc bươu vàng	ma-gieo sạ	1 - 5	3 - 12	13	3	0	16	0	<i>14.0</i>		7 Ea Kar, Krông Păk
	Nhóm cây: Rau màu											
Bầu bí	Bệnh giả sương mai	các giai đoạn	5	14	4	1	0	5	0	<i>1.0</i>		4 Krông Păk
	Bộ trĩ	các giai đoạn	12	22	3	0	0	3	0	<i>1.0</i>		2 Krông Păk
Hành tỏi	Bệnh thối nhũn	PTTL	8	18	0.8	0.6	0	1.4	0	<i>-0.1</i>		0 Ea Kar
	Dòi đục lá	IP TTL	8	25	0.6	0.4	0	1	0	<i>-0.3</i>		0.5 Ea Kar
Ớt	Ruồi đục trái ớt	trais xanh	8	20	1.6	0.8	0	2.4	0	<i>0.5</i>		1 Ea Kar
	Bệnh thán thư	qua non	10	25	1.2	0.6	0	1.8	0	<i>-0.5</i>		1 Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	cay con	12	25	3	2	0	5	0	<i>5.0</i>		2 Ea Kar
	Sâu xanh bướm trắng	các giai đoạn	1	3	1	0.3	0	1.3	0	<i>0.0</i>		0 TX Buôn Hồ
	Bộ nhày	các giai đoạn	2	6	0.5	0	0	0.5	0	<i>0.0</i>		0 TX Buôn Hồ
Rau thập tự	Rệp muội	các giai đoạn	10	19	3	0	0	3	0	<i>3.0</i>		3 Krông Păk
	Sâu tơ	cây con	7	15	1	0	0	1	0	<i>-1.0</i>		1 Krông Păk

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH PHÂN THEO TỪNG HUYỆN
(Từ ngày 09 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)

Cây trồng	Tên huyện	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ
				Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng				
		Nhóm cây: Cây ăn quả											
Cây có múi	Ea Kar	Sâu vẽ bùa	cac giai doan	8c/m2	25c/m2	8	2	0	10	0	1	0	2
	Ea Kar	Sâu cuốn lá	la non	8c/m2	25c/m2	2	2	0	4	0	-1	0	2
	Ea Kar	Bệnh greening	kinh doanh	10%	35%	2.5	1	0	3.5	0	-0.5	0	2
Chanh leo	Ea Kar	Ruồi đục quả	quq non	8%	15%	2	2	0	4	0	4	0	2
	Ea Kar	Bệnh đốm nâu	PTTL	10%	22%	2	1.2	0	3.2	0	0	0	2
Sầu riêng	Krông Búk	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	chăm sóc, ra hoa, trái non	3 con/m2	10 con/m2	20	0	0	20	0	1	0	20
	Ea Kar	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	la non	8%	20%	4	4	0	8	0	8	0	4
	Krông Năng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Quả non; KTCB	5-8%	15%	6	0	0	6	0	0	0	0
	Krông Păk	Bệnh đốm rong (Tảo)	các giai đoạn	13	24	6	0	0	6	0	1	0	4
	Ea Kar	Sâu đục quả	qua xanh	7%	20%	3	2	0	5	0	5	0	2
	Krông Năng	Rầy nhậy	Quả non; KTCB	5-9%	17%	5	0	0	5	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh thán thư	quả non	5%	8%	4	1	0	5	0	0	0	0
	Krông Păk	Bệnh thán thư	các giai đoạn	5	9	4	0	0	4	0	1	0	2
	TX Buôn Hồ	Bệnh đốm rong (Tảo)	quả non	3%	6%	3	1	0	4	0	0	0	0
		Nhóm cây: Cây CN lâu năm											

Cà cao	Ea Kar	Bệnh muội đen	cac giai doan	8%	25%	7	2	0	9	0	1	0	5
	Ea Kar	Bọ xít muỗi	Cac giai doan	8%	20%	5	2	0	7	0	-1	0	5
Cà phê	Không Búk	Rệp sáp	chăm soc, trái non	5%	7%	18	0	0	18	0	1	0	14
	Ea Kar	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn	10%	20%	5	4	0	9	0	2	0	4
	Ea Kar	Bệnh khô cành	KTCB,KD	10%	25%	6	3	0	9	0	4	0	4
	TX Buôn Hồ	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non	4%	10%	6	3	0	9	0	-3	0	0
	Không Búk	Bệnh khô cành	chăm sóc, trái non	5%	10%	8	0	0	8	0	0	0	5
	TX Buôn Hồ	Rệp sáp	Quả non	3%	5%	5	3	0	8	0	0	0	0
	Không Búk	Bệnh gỉ sắt	chăm soc, trái non	7%	12%	7	0	0	7	0	0	0	4
	Không Năng	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	quả non; KTCB	5-10%	16%	7	0	0	7	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh gỉ sắt	quả non	3%	8%	5	2	0	7	0	-2	0	0
	Ea Kar	Rệp sáp	qua non	8%	20%	4	2	0	6	0	-1	0	2
	Không Pắc	Bệnh đốm mắt cua	quả non	14	24	6	0	0	6	0	-1	0	1
	Không Pắc	Rệp vảy (xanh, nâu)	kiến thiết cơ bản	10	20	6	0	0	6	0	1	0	4
	TX Buôn Hồ	Mọt đục cành	quả non	3%	5%	4	2	0	6	0	0	0	0
	Không Pắc	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn	6	14	5	0	0	5	0	1	0	1
	TX Buôn Hồ	Bệnh nấm hồng	quả non	4%	6%	3	2	0	5	0	-2	0	0
	Không Năng	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non; KTCB	6-9%	15%	4	0	0	4	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh khô cành	quả non	1%	3%	3	1	0	4	0	0	0	0
	Không Năng	Rệp sáp	quả non; KTCB	7-10%	17%	3	0	0	3	0	0	0	0

	Krông Pắc	Bệnh khô cành	quả non	6	13	3	0	0	3	0	3	0	0
	Cư Kuin	Rụng quả cà phê	Quả non	7-10%		2	0	0	2	0	0	0	2
	Cư Kuin	Bệnh khô cành	Quả non	5-7%		1	0	0	1	0	-1	0	1
Điều	Ea Kar	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	15%	35%	7	5	2	14	0	-7	0	5
	Ea Kar	Bọ xít muỗi	Lá, chồi non, KTCB	8%	25%	7	5	0	12	0	-4	0	5
	Krông Búk	Bệnh thán thư	thu hoạch, chăm sóc	5%	10%	10	0	0	10	0	0	0	6
	Krông Búk	Bọ xít muỗi	thu hoạch, chăm sóc	5%	10%	9	0	0	9	0	0	0	5
	Krông Pắc	Bọ xít muỗi	các giai đoạn	4	12	3	1	0	4	0	1	0	2
	Krông Pắc	Sâu đục thân, cành	phát triển thân lá	3	7	2	0	0	2	0	-1	0	1
Hồ tiêu	Buôn Đôn	Bệnh chết chậm	phan hoa man hoa	5%	7%	50	15	10	75	0	2	0	0
	Buôn Đôn	Bệnh chết nhanh	phan hoa man hoa	3%	5%	32	9	8	49	0	3	0	0
	Ea Kar	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh	10%	25%	8	5	0	13	0	0	0	5
	TX Buôn Hồ	Bệnh chết chậm	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	7%	15%	8	5	0	13	0	3	0	0
	Cư M'gar	Bệnh chết chậm	các giai đoạn sinh trưởng	3%	8%	10.4	0	0.9	11.3	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Tuyến trùng	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	6%	15%	6	4	0	10	0	0	0	0
	Krông Búk	Bọ xít lưới	phan hóa mầm hoa, ra hoa	5%	10%	9	0	0	9	0	1	0	8
	TX Buôn Hồ	Bệnh đốm tảo	phan hóa mầm hoa	4%	6%	5	2	0	7	0	7	0	0
	Ea Kar	Bệnh chết chậm	kinh doanh	12%	25%	3	3	0	6	0	-3	0	2

	Krông Búk	Bệnh đốm tảo	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	5%	10%	5	0	0	5	0	0	0	5
	Krông Pắc	Bệnh chết chậm	các giai đoạn	3	6	4	1	0	5	0	1	0	3
	Krông Pắc	Bệnh thán thư	ra hoa	4	8	4	0	0	4	0	1	0	2
	Cư Kuin	Bệnh thán thư	Phân hóa mầm hoa	5-7%		3	0	0	3	0	0	0	3
	Cư Kuin	Bệnh chết chậm	Chăm sóc sau thu hoạch	5-7%		3	0	0	3	0	0	0	3
	Krông Pắc	Bọ xít lười	Ra hoa	5	9	3	0	0	3	0	1	0	2
	TX Buôn Hồ	Bệnh chết nhanh	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	1%	2%	2	1	0	3	0	0	0	0
	Krông Búk	Bệnh chết chậm	phân hóa mầm hoa, ra hoa	5%	19%	2	0	0	2	0	0	0	2
	Krông Năng	Bệnh chết chậm	phân hóa mầm hoa; ra hoa	1-4%	6%	2	0	0	2	0	0	0	0
	Ea Kar	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	6%	12%	1	0.6	0	1.6	0	-1.9	0	1
	Cư Kuin	Tuyến trùng	Chăm sóc sau thu hoạch	7-10%		1	0	0	1	0	0	0	1
	Cư M'gar	Bệnh chết nhanh				0	0	0	0	0	0	0	0
		Nhóm cây: Cây lương thực khác											
Ngô (Bắp)	Ea Kar	Sâu keo mùa thu	PTTL	7c/m2	25c/m2	5	0	0	5	0	-2	0	5
	TX Buôn Hồ	Sâu cắn lá	PTTL	2c/m	3c/m	3	2	0	5	0	0	0	0
	Krông Búk	Sâu keo mùa thu	cây con	2 con/m2	4con/m2	4	0	0	4	0	1	0	3
		Nhóm cây: Lúa											
Lúa	Ea Kar	Ốc bươu vàng	ma	5%	12%	7	3	0	10	0	10	0	3
	Krông Pắc	Ốc bươu vàng	gieo sạ	1	3	6	0	0	6	0	4	0	4

		Nhóm cây: Rau màu											
Bầu bí	Krông Păk	Bệnh giả sương mai	các giai đoạn	5	14	4	1	0	5	0	1	0	4
	Krông Păk	Bọ trĩ	các giai đoạn	12	22	3	0	0	3	0	1	0	2
Hành tỏi	Ea Kar	Bệnh thối nhũn	PTTL	8%	18%	0.8	0.6	0	1.4	0	-0.1	0	0
	Ea Kar	Dòi đục lá	IP TTL	8%	25%	0.6	0.4	0	1	0	-0.3	0	0.5
Ớt	Ea Kar	Ruồi đục trái ớt	trais xanh	8%	20%	1.6	0.8	0	2.4	0	0.5	0	1
	Ea Kar	Bệnh thán thư	qua non	10%	25%	1.2	0.6	0	1.8	0	-0.5	0	1
Rau cải ăn lá	Ea Kar	Sâu tơ	cay con	12c/m2	25c/m2	3	2	0	5	0	5	0	2
	TX Buôn Hồ	Sâu xanh bướm trắng	các giai đoạn	1c/m	3c/m	1	0.3	0	1.3	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bọ nhảy	các giai đoạn	2 c/m	6c/m	0.5	0	0	0.5	0	0	0	0
Rau thập tự	Krông Păk	Rệp muội	các giai đoạn	10	19	3	0	0	3	0	3	0	3
	Krông Păk	Sâu tơ	cây con	7	15	1	0	0	1	0	-1	0	1

	Cây trồng	Tên huyện	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ	Diện tích nhiệm (ha)	Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT	P. trừ	Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	(+/-)	(+/-)
Nhóm cây: Cây ăn quả																			
Cây có múi																			
Ea Kar																			
Sâu vẽ bùa																			
cac giai doan																			
10c/m2																			
25c/m2																			
Ea Kar																			
Sâu cuốn lá																			
la non																			
8c/m2																			

